

## PHẦN I. ĐỊA LÍ DÂN CƯ

### I. DÂN SỐ VÀ TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN DÂN SỐ THẾ GIỚI.

#### 1. Quy mô ds thế giới

- Tính đến tháng 11/2011 ds thế giới tròn 7 tỉ người
- Quy mô ds giữa các nước và vùng lãnh thổ rất khác nhau.

#### 2. Tình hình phát triển ds thế giới.

- Dân số thế giới ngày càng lớn, tốc độ gia tăng nhanh, đặc biệt từ nửa sau thế kỷ XX và dẫn đến bùng nổ dân số (chủ yếu diễn ra ở nhóm nước đang phát triển)

**Biểu hiện:** (theo bảng số liệu SGK-10-trang 82)

- + Thời gian dân số tăng thêm 1 tỉ người và thời gian dân số tăng gấp đôi ngày càng rút ngắn

**Nguyên nhân:**

- + Do mức tử, nhất là mức tử vong ở trẻ em giảm nhanh (nhờ những thành tựu của y tế, chăm sóc sức khoẻ và dinh dưỡng...), trong khi mức sinh tuy có giảm nhưng chậm hơn nhiều.

### II. GIA TĂNG DÂN SỐ

#### 1. Gia tăng tự nhiên.

Sự biến động dân số thế giới (tăng lên hay giảm đi) là do 2 nhân tố chủ yếu quyết định: **sinh đẻ và tử vong**

##### a. Tỉ suất sinh thô

- **K/n:** Là tương quan giữa số trẻ em được sinh ra trong năm so với số dân trung bình ở cùng thời điểm *ký hiệu*  $S ( \text{‰} )$

$$\text{CT: } S = \frac{s}{Dtb} \times 1000$$

s:	số trẻ em được sinh ra trong năm
Dtb:	dân số trung bình năm

- **Đặc điểm:** Tỉ suất sinh thô trên thế giới tuy có giảm dần nhưng vẫn còn cao ( $21 \text{‰}$ ), chủ yếu diễn ra ở nhóm nước đang phát triển

- **Nguyên nhân:** tỉ suất sinh thô chịu tác động của nhiều yếu tố:

- + Yếu tố tự nhiên sinh học:
- + Tập quán và tâm lý xã hội:
- + Phát triển KT-XH:
- + Chính sách dân số.

##### b. Tỉ suất tử thô.

- **K/n:** Là tương quan giữa số người chết trong năm so với số dân trung bình cùng thời điểm *Ký hiệu:*  $T ( \text{‰} )$

t:	số người chết trong năm
Dtb:	dân số trung bình năm

$$\text{CT: } T = \frac{t}{Dtb} \times 1000$$

- **Đặc điểm:** tỉ suất tử thô trên thế giới có xu hướng giảm, đặc biệt ở nhóm nước đang phát triển

- **Nguyên nhân:** chịu tác động của nhiều yếu tố

+ Mức sống của dân cư càng cao (kể cả vật chất lẫn tinh thần) thì mức chết càng thấp.

+ Trình độ y học càng cao thì mức chết càng giảm

+ Môi trường sống trong sạch, tuổi thọ được nâng cao

+ Cơ cấu nhóm tuổi

+ Chiến tranh và các tệ nạn xã hội

c. Tỉ suất gia tăng dân số tự nhiên

- **K/n:** Là sự chênh lệch giữa tỉ suất sinh thô và tỉ suất tử thô ( $Tg \%$ )

$$Tg(\%) = S - T$$

- **Ý nghĩa của gia tăng dân số tự nhiên đối với sự phát triển dân số thế giới:**

Là nhân tố quan trọng nhất, quyết định sự biến động dân số, là động lực phát triển dân số.

- **Hậu quả của sự gia tăng nhanh dân số tự nhiên**

+ Gây ảnh hưởng đến quá trình phát triển kinh tế

+ Gây ảnh hưởng đến xã hội

+ Tài nguyên môi trường

- **Hậu quả của sự già hoá dân số:**

+ Trong tương lai thiếu nguồn lao động

+ Người lao động thường mắc chứng bệnh nghề nghiệp

+ Gây ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế chung

## 2. Gia tăng cơ học

a. Tỉ suất nhập cư: là tương quan giữa số người đến nơi cư trú trong năm so với số dân trung bình trong cùng thời gian đó

b. Tỉ suất xuất cư: là tương quan giữa số người di chuyển khỏi nơi cư trú trong năm so với số dân trung bình trong cùng thời gian đó

c. Tỉ suất gia tăng cơ học (còn gọi là tỉ suất chuyển cư thực)

- **K/n:** Được xác định bằng hiệu số giữa tỉ suất nhập cư và tỉ suất xuất cư

- **Nguyên nhân** chính gây nên các luồng di cư:

+ Các vùng thường có tỉ lệ nhập cư cao: là những vùng có đất đai màu mỡ, tài nguyên phong phú, khí hậu ôn hoà, môi trường sống thuận lợi; dễ kiếm việc làm, thu nhập cao, điều kiện sinh hoạt tốt và ngược lại

+ Các nguyên nhân khác: hợp lí hoá gia đình, nơi ở cũ bị giải toả để xây dựng các công trình...

### III. CƠ CẤU DÂN SỐ

#### 1. Cơ cấu sinh học.

##### a. Cơ cấu dân số theo giới.

- Cơ cấu dân số theo giới biểu thị tương quan giữa giới nam so với giới nữ hoặc so với tổng số dân. ( đơn vị: %)

- CCDS theo giới biến động theo thời gian và có sự khác nhau giữa các nước, các khu vực.

+ *Những nước phát triển: nữ nhiều hơn nam*

+ *Các nước đang phát triển: nam nhiều hơn nữ*

##### - Nguyên nhân:

+ Do trình độ phát triển KT-XH

+ Do tai nạn

+ Tuổi thọ TB của nữ thường cao hơn nam

+ Do chuyển cư...

##### b. Cơ cấu dân số theo tuổi.

###### \* Khái niệm:

Là sự tập hợp những nhóm người sắp xếp theo những nhóm tuổi nhất định.

###### \* Có 3 nhóm tuổi chính

- Nhóm tuổi lao động: 0-14 tuổi

- Nhóm tuổi lđ: 15-59 (hoặc 64)

- Nhóm trên lđ 60 (hoặc 65)

###### \* Đặc điểm

- Các nước đang phát triển có CCDS trẻ, các nước phát triển có CCDS già.

###### \* Tháp dân số

- Có 3 kiểu tháp tuổi cơ bản

+ Kiểu mở rộng

+ Kiểu thu hẹp

+ Kiểu ổn định

- Đặc điểm Hình dạng và đặc điểm dân số thông qua các kiểu tháp tuổi

+ Kiểu mở rộng: đáy tháp rộng, đỉnh tháp nhọn, các cạnh thoải thoải; thể hiện tỉ suất sinh cao, trẻ em đông, tuổi thọ trung bình thấp, dân số tăng nhanh.

+ Kiểu thu hẹp: tháp có dạng phình to ở giữa, thu hẹp về hai phía đáy và đỉnh tháp; thể hiện sự chuyển tiếp từ dân số trẻ sang dân số già, tỉ suất sinh giảm nhanh, nhóm trẻ em ít, gia tăng dân số có xu hướng giảm dần.

+ Kiểu ổn định: tháp có dạng hẹp ở phần đáy và mở rộng hơn ở phần đỉnh; thể hiện tỉ suất sinh thấp, tỉ suất tử thấp ở nhóm trẻ nhưng cao ở nhóm già, tuổi thọ trung bình cao, dân số ổn định cả về quy mô và cơ cấu.

## 2. Cơ cấu xã hội.

### a. Cơ cấu dân số theo lao động.

#### \* Nguồn lao động.

- Bao gồm bộ phận dân số trong độ tuổi quy định có khả năng tham gia lao động

#### \* Nguồn lao động được chia thành 2 nhóm:

- Nhóm dân số hoạt động kinh tế.

- Nhóm dân số không hoạt động kinh tế.

#### \* Dân số hoạt động theo khu vực kinh tế.

- Dân số hoạt động theo khu vực kinh tế được phân chia theo 3 khu vực

+ Khu vực I (N-L-Ngư)

+ Khu vực II (CN-XD)

+ Khu vực III (dịch vụ)

- Có sự khác nhau giữa các nước

+ Các nước đang phát triển có tỉ lệ KV I cao nhất

+ Các nước phát triển: tỉ lệ khu vực III cao nhất, KVI thấp nhất

### b. Cơ cấu dân số theo trình độ văn hóa.

- Phản ánh trình độ dân trí và học vấn của dân cư, là một tiêu chí để đánh giá chất lượng cuộc sống

- Để xác định cơ cấu dân số theo trình độ văn hóa người ta thường dùng 2 chỉ tiêu

+ Tỉ lệ người biết chữ (15 tuổi trở lên)

+ Số năm đi học (của những người từ 25 tuổi trở lên)

## IV. PHÂN BỐ DÂN CƯ

### 1. Phân bố dân cư:

#### a. K/n

- Là sự sắp xếp dân số một cách tự phát hay tự giác trên một lãnh thổ nhất định, phù hợp với điều kiện sống và các yêu cầu của xã hội.

- Mật độ dân số: là số dân cư trú, sinh sống trên một đơn vị diện tích (đơn vị: người/km<sup>2</sup>)

$$M = \text{số người} / \text{diện tích}$$

**b. Đặc điểm:**

- Phân bố dân cư trên thế giới không đồng đều về cả thời gian lẫn không gian

**c. Các nhân tố ảnh hưởng đến sự phân bố dân cư:**

- **Nhân tố tự nhiên:** khí hậu, nguồn nước, Địa hình và đất đai, Khoáng sản,
- **Nhân tố KT-XH:** Trình độ phát triển của lực lượng sản xuất, tính chất của nền kinh tế, Lịch sử khai thác lãnh thổ, chuyển cư...

**2. Đô thị hóa**

**a. Khái niệm**

Là một quá trình KT-XH mà biểu hiện của nó là sự tăng nhanh về số lượng và quy mô của các điểm dân cư đô thị, sự tập trung dân cư trong các thành phố, nhất là các thành phố lớn và phổ biến rộng rãi lối sống thành thị.

**b. Đặc điểm:**

- Dân cư thành thị có xu hướng tăng nhanh
- Dân cư tập trung vào các thành phố lớn và cực lớn
- Phổ biến rộng rãi lối sống thành thị

**c. ảnh hưởng của đô thị hóa:**

**- Tích cực.**

- + Góp phần đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế.
- + Chuyển dịch mạnh cơ cấu kinh tế và cơ cấu lao động.
- + Làm thay đổi sự phân bố dân cư và lao động, quá trình sinh, tử và hôn nhân ở các đô thị

**- Tiêu cực:**

Nếu đô thị hóa không xuất phát từ quá trình công nghiệp hóa thì sẽ dẫn đến:

- + Chuyển cư ồ ạt từ nông thôn ra thành thị làm cho nông thôn thiếu lực lượng lao động.
- + Ở thành thị thiếu việc làm, điều kiện sinh hoạt thiếu thốn, nhiều tiêu cực trong đời sống

KT-XH

- + Môi trường bị ô nhiễm nghiêm trọng

**PHẦN II. CƠ CẤU NỀN KINH TẾ**

**I. CÁC NGUỒN LỰC PHÁT TRIỂN KINH TẾ:**

**1. Khái niệm:**

Nguồn lực là tổng thể vị trí địa lí, các nguồn tài nguyên thiên nhiên, hệ thống tài sản quốc gia, nguồn nhân lực, vốn và thị trường ... ở cả trong nước và ngoài nước có thể được khai thác nhằm phục vụ cho việc phát triển kinh tế của một lãnh thổ nhất định.

**2. Phân loại:**

- Căn cứ vào **nguồn gốc** và **phạm vi lãnh thổ** để phân loại nguồn lực.
- Phân loại:
  - + Căn cứ vào nguồn gốc: nguồn lực phân thành 3 loại: *vị trí địa lí, tự nhiên, kinh tế-xã hội.*
  - + Căn cứ vào **phạm vi lãnh thổ** phân thành 2 loại: *nội lực và ngoại lực.*

### 3. Vai trò của nguồn lực đối với phát triển kinh tế:

- Vị trí địa lí: *tạo thuận lợi hoặc gây khó khăn trong việc trao đổi, tiếp cận hay cùng phát triển giữa các vùng trong một nước, giữa các nước với nhau.*
- Nguồn lực tự nhiên: *là cơ sở tự nhiên của quá trình sản xuất.*
- Nguồn lực KT-XH: *có vai trò quan trọng để lựa chọn chiến lược phát triển, phù hợp với điều kiện cụ thể của đất nước trong từng giai đoạn.*

## II. CƠ CẤU NỀN KINH TẾ.

1. Khái niệm: (sgk)

2. Các bộ phận hợp thành cơ cấu nền kinh tế:  
(Sơ đồ trong sgk)

## PHẦN III. ĐỊA LÍ NÔNG NGHIỆP

### I. VAI TRÒ VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA NÔNG NGHIỆP:

#### 1. Vai trò:

- Cung cấp lương thực, thực phẩm cho con người
- Cung cấp nguyên liệu cho các ngành công nghiệp
- Là mặt hàng có giá trị xuất khẩu, thu ngoại tệ cao

*Tại sao đối với nhiều nước đang phát triển, đông dân, đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp là nhiệm vụ chiến lược hàng đầu*

### II. CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG TỚI PHÁT TRIỂN VÀ PHÂN BỐ NÔNG NGHIỆP:

#### - Nhân tố tự nhiên.

+ Đất: quỹ đất, tính chất đất, độ phì => ảnh hưởng đến quy mô, năng suất, cơ cấu và phân bố cây trồng vật nuôi

+ Khí hậu, nước: chế độ nhiệt, ẩm, mưa, các điều kiện thời tiết, nước trên mặt, nước ngầm => ảnh hưởng đến thời vụ, cơ cấu cây trồng vật nuôi; khả năng tăng vụ, xen canh, gối vụ, mức độ ổn định của sản xuất.

+ Sinh vật: các loài cây, con, đồng cỏ, nguồn thức ăn tự nhiên => là cơ sở tạo nên giống cây trồng, vật nuôi, khả năng cung cấp thức ăn cho chăn nuôi.

#### - Nhân tố KT-XH

+ Dân cư-lao động: => là lực lượng sản xuất trực tiếp, nguồn tiêu thụ nông sản

+ Sở hữu ruộng đất: => ảnh hưởng đến việc thực hiện đường lối, các hình thức tổ chức sản xuất

+ Tiến bộ khoa học- kĩ thuật: => ảnh hưởng đến năng suất, chất lượng và sản lượng.

+ Thị trường: => *Tác động tới giá cả nông sản, điều tiết sản xuất và ảnh hưởng chuyên môn hóa.*

### **III. NGÀNH TRỒNG TRỌT**

- Dựa vào hình 28.2 "Phân bố các cây lương thực chính trên thế giới" em có nhận xét gì về sự phân bố các cây lương thực chính trên thế giới. Giải thích ?
- Kể tên một số cây CN chủ yếu ở nước ta. Tại sao nước ta trồng được những cây CN trên?
- Tại sao phải chú trọng đến ngành trồng rừng?
- Làm bài tập 1 (SGK-112)

### **IV. NGÀNH CHĂN NUÔI**

- Tại sao ở phần lớn các nước đang phát triển, ngành chăn nuôi chiếm tỉ trọng rất nhỏ trong cơ cấu giá trị sản xuất nông nghiệp ?
- Tại sao ngành nuôi trồng thủy sản thế giới ngày càng phát triển mạnh ?
- Làm bài tập 2 (SGK-116)
- Hoàn thành bài thực hành (SGK-117)